

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH QUẢNG
ĐẾN Số: 8998
Ngày 08/12/2017

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 985 /QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 30 tháng 8 năm 2017

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong lĩnh vực Thủy lợi, Thú y, Thủy sản, Bảo vệ thực vật, Chăn nuôi, Lâm nghiệp**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Quyết định số 3548/QĐ-BNN-TCTS ngày 29/8/2016 về việc công bố danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa và thủ tục hành chính bị hủy bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong lĩnh vực Thủy sản; Quyết định số 4307/QĐ-BNN-BVTV ngày 28/10/2016 về công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong lĩnh vực Bảo vệ thực vật; Quyết định số 4440/QĐ-BNN-TCTL ngày 28/10/2016 về công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong lĩnh vực Thủy lợi; Quyết định số 4559/QĐ-BNN-TY ngày 03/11/2016 về công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong lĩnh vực Thú y; Quyết định số 728/QĐ-BNN-CN ngày 14/3/2017 về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong lĩnh vực chăn nuôi;

Quyết định số 1050/QĐ-BNN-TCLN ngày 30/3/2017 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính thay thế, bị thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Quyết định số 2257/QĐ-BNN-TCLN ngày 02/6/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này các thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong lĩnh vực Thủy lợi, Thú y, Thủy sản, Bảo vệ thực vật, Chăn nuôi, Lâm nghiệp (có danh mục và nội dung của thủ tục hành chính kèm theo).

Nội dung chi tiết của các thủ tục hành chính được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh tại địa chỉ [www.tuyenquang.gov.vn](http://www.tuyenquang.gov.vn).

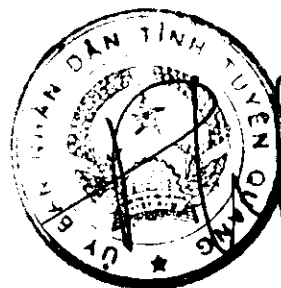
**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các Quyết định trước đây của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh công bố thủ tục hành chính về các lĩnh vực được nêu tại Điều 1 đều hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

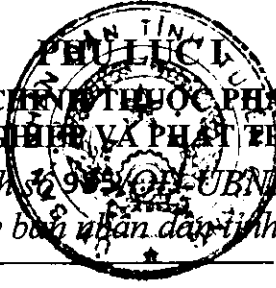
**Nơi nhận:** 

- VPCP- Cục KSTTHC; (báo cáo)
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3 (thực hiện);
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NC. (P.Hà)

**CHỦ TỊCH**



  
**Phạm Minh Huấn**



**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN (61 thủ tục)**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 985/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

**A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (54 thủ tục)**

STT	Tên TTHC	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
<b>I</b>	<b>LĨNH VỰC THỦY LỢI (06 thủ tục)</b>		
1.	Cấp giấy phép cho hoạt động trồng cây lâu năm thuộc rễ ăn sâu trên 1m trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền giải quyết UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	<ul style="list-style-type: none"><li>- Điều 26 Pháp lệnh Khai thác và Bảo vệ công trình thủy lợi số 32/2001/PLUBTVQH ngày 04/4/2001 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;</li><li>- Khoản 3 Điều 1, Quyết định 55/2004/QĐ-BNN ngày 01/11/2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy định việc cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi;</li><li>- Điều 1 Quyết định 62/2007/QĐ-BNN ngày 28/6/2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về việc cấp giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi ban hành kèm theo Quyết định 55/2004/QĐ-BNN ngày 01/11/2004 của Bộ Nông nghiệp và PTNT;</li><li>- Điều 1 Thông tư 21/2011/TT-BNNPTNT ngày 6/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy lợi theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15/12/2010.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- UBND tỉnh</li><li>- Sở Nông nghiệp và PTNT</li></ul>
2.	Cấp giấy phép cho hoạt động giao thông vận tải của xe cơ giới trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi <i>(Trừ các trường hợp sau: a) Các loại xe mô tô hai bánh, xe gắn máy, xe cơ giới dùng cho người tàn tật; b) Xe cơ giới đi trên đường giao thông công cộng trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi; c) Xe cơ giới đi qua công trình thủy lợi kết hợp đường giao thông công</i>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Điều 26 Pháp lệnh Khai thác và Bảo vệ công trình thủy lợi số 32/2001/PLUBTVQH ngày 04/4/2001 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;</li><li>- Khoản 5 Điều 1 Quyết định 55/2004/QĐ-BNN ngày 01/11/2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;</li><li>- Điều 1 Quyết định 62/2007/QĐ-BNN ngày 28/6/2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;</li><li>- Điều 1 Thông tư 21/2011/TT-BNNPTNT ngày 6/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- UBND tỉnh</li><li>- Sở Nông nghiệp và PTNT</li></ul>

STT	Tên TTHC	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
	<i>cộng có trọng tải, kích thước phù hợp với tiêu chuẩn thiết kế của công trình thủy lợi)</i>		
3.	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi được quy định tại khoản 2, 3, 5, 6, 7, 8 Điều 1 Quyết định 55/2004/QĐ-BNN ngày 01/11/2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều 26 Pháp lệnh Khai thác và Bảo vệ công trình thủy lợi số 32/2001/PLUBTVQH ngày 04/4/2001 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;</li> <li>- Điểm b, khoản 1, Điều 7 Quyết định 55/2004/QĐ-BNN ngày 01/11/2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;</li> <li>- Điều 1 Quyết định 62/2007/QĐ-BNN ngày 28/6/2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;</li> <li>- Điều 1 Thông tư 21/2011/TT-BNNPTNT ngày 6/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- UBND tỉnh</li> <li>- Sở Nông nghiệp và PTNT</li> </ul>
4.	Cấp giấy phép cho các hoạt động xây dựng kho, bến bãi, bốc dỡ; tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; xây dựng chuồng trại chăn thả gia súc, nuôi trồng thủy sản; chôn phế thải, chất thải.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều 26 Pháp lệnh Khai thác và Bảo vệ công trình thủy lợi số 32/2001/PLUBTVQH ngày 04/4/2001 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;</li> <li>- Khoản 6, 7, 8 Điều 1, Quyết định 55/2004/QĐ-BNN ngày 01/11/2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;</li> <li>- Điều 1 Quyết định 62/2007/QĐ-BNN ngày 28/6/2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;</li> <li>- Điều 1 Thông tư 21/2011/TT-BNNPTNT ngày 6/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</li> </ul>	
5.	Cấp giấy phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi thuộc tỉnh quản lý; hệ thống công trình thủy lợi liên tỉnh, công trình thủy lợi quan trọng quốc gia với lưu lượng xả nhỏ hơn 1000m <sup>3</sup> /ngày đêm.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều 26 Pháp lệnh Khai thác và Bảo vệ công trình thủy lợi số 32/2001/PLUBTVQH ngày 04/4/2001 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;</li> <li>- Khoản 2 Điều 8, Quyết định 56/2004/QĐ-BNN ngày 01/11/2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;</li> <li>- Điều 1 Thông tư 21/2011/TT-BNNPTNT ngày 6/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- UBND tỉnh</li> <li>- Sở Nông nghiệp và PTNT</li> </ul>
6.	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi thuộc tỉnh quản lý; hệ thống công trình thủy lợi liên tỉnh, công trình thủy lợi quan trọng quốc gia với lưu lượng xả nhỏ hơn 1000m <sup>3</sup> /ngày đêm.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều 26 Pháp lệnh Khai thác và Bảo vệ công trình thủy lợi số 32/2001/PLUBTVQH ngày 04/4/2001 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;</li> <li>- Khoản 2 Điều 8, Quyết định 56/2004/QĐ-BNN ngày 01/11/2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;</li> <li>- Điều 1 Thông tư 21/2011/TT-BNNPTNT ngày 6/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- UBND tỉnh</li> <li>- Sở Nông nghiệp và PTNT</li> </ul>

STT	Tên TTHC	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
<b>II</b>	<b>LĨNH VỰC THÚ Y (18 thủ tục)</b>		
7.	Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh <i>(gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y)</i>	- Luật thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật thú y; - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.	Chi cục Chăn nuôi và Thú y
8.	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y <i>(Trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y).</i>	- Luật thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ;	Chi cục Chăn nuôi và Thú y
9.	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y	- Luật Thú y số 79/2015/QH 13; - Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn về kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y; - Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 3/12/2014 của Bộ Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn về kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm; - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật;	Chi cục Chăn nuôi và Thú y
10.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y.	- Luật thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật thú y; - Thông tư 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý thuốc thú y;	Chi cục Chăn nuôi và Thú y

STT	Tên TTHC	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
		- Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.	
11.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y <i>(Trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký).</i>	- Luật thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý thuốc thú y;	Chi cục Chăn nuôi và Thú y
12.	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y.	- Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý thuốc thú y; - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.	Chi cục Chăn nuôi và Thú y
13.	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn	- Luật Thú y số 79/2015/QH 13; - Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.	Chi cục Chăn nuôi và Thú y
14.	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản	- Luật Thú y số 79/2015/QH 13; - Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.	Chi cục Chăn nuôi và Thú y
15.	Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở phải đánh giá lại	- Luật Thú y số 79/2015/QH 13; - Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016	Chi cục Chăn nuôi và Thú y

STT	Tên TTHC	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
		của Bộ Tài chính;	
16.	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn	- Luật Thú y số 79/2015/QH 13; - Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính;	Chi cục Chăn nuôi và Thú y
17.	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản	- Luật Thú y số 79/2015/QH 13; - Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính;	Chi cục Chăn nuôi và Thú y
18.	Cấp đổi Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn hoặc dưới nước)	- Luật Thú y số 79/2015/QH 13; - Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	Chi cục Chăn nuôi và Thú y
19.	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận	- Luật Thú y số 79/2015/QH 13; - Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính;	Chi cục Chăn nuôi và Thú y
20.	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận	- Luật Thú y số 79/2015/QH 13; - Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính;	Chi cục Chăn nuôi và Thú y
21.	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản)	- Luật Thú y số 79/2015/QH 13; - Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển	Chi cục Chăn nuôi và Thú y

STT	Tên TTHC	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
	<i>(Đối với cơ sở có Giấy chứng nhận hết hiệu lực do xảy ra bệnh hoặc phát hiện mầm bệnh tại cơ sở đã được chứng nhận an toàn hoặc do không thực hiện giám sát, lấy mẫu đúng, đủ số lượng trong quá trình duy trì điều kiện cơ sở sau khi được chứng nhận)</i>	nông thôn; - Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính;	
22.	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh	- Luật Thú y số 79/2015/QH 13; - Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính	Chi cục Chăn nuôi và Thú y
23.	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh	- Luật Thú y số 79/2015/QH 13; - Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 về quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản; - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính;	Chi cục Chăn nuôi và Thú y
24.	Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản tham gia hội chợ, triển lãm; động vật thủy sản biểu diễn nghệ thuật	- Luật Thú y số 79/2015/QH13; - Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính;	Chi cục Chăn nuôi và Thú y
<b>III LĨNH VỰC THỦY SẢN (19 thủ tục)</b>			
25.	Kiểm tra chất lượng giống thủy sản nhập khẩu (trừ giống thủy sản bố mẹ chủ lực).	- Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa năm 2007; - Điều 18 Thông tư số 26/2013/TT-BNNPTNT ngày 22/5/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	Chi cục Thủy sản
26.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá không thời hạn (đối với tàu cá nhập khẩu)	- Luật Thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003; - Nghị định số 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ về đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động thủy sản; - Điều 11,12, 13 Nghị định số 52/2010/NĐ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ về nhập khẩu tàu cá; - Khoản 3 Điều 5 Nghị định số 53/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về lĩnh vực thủy sản.	- UBND tỉnh - Sở Nông nghiệp và PTNT



STT	Tên TTHC	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
27.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá tạm thời (đối với tàu cá nhập khẩu)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003;</li> <li>- Nghị định số 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ về đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động thủy sản;</li> <li>- Điều 14 Nghị định số 52/2010/NĐ-CP ngày 17/5/2010 của Chính phủ;</li> <li>- Khoản 3, điều 5 Nghị định số 53/2012/NĐ-CP ngày 20/6/2012 của Chính phủ.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- UBND tỉnh</li> <li>- Sở Nông nghiệp và PTNT</li> </ul>
28.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá đóng mới	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003;</li> <li>- Nghị định số 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ về đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động thủy sản;</li> <li>- Điều 5 Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS ngày 03/7/2006 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), có hiệu lực từ ngày 06/8/2006;</li> <li>- Điều 5 Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</li> </ul>	Chi cục Thủy sản
29.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá tạm thời	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003.</li> <li>- Nghị định số 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ về đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động thủy sản;</li> <li>- Điều 10 Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS ngày 03/7/2006 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), có hiệu lực từ ngày 06/8/2006;</li> <li>- Khoản 5 Điều 5 Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</li> </ul>	Chi cục Thủy sản
30.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003;</li> <li>- Nghị định số 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ về đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động thủy sản;</li> <li>- Khoản 3 Điều 9 Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS ngày 03/7/2006 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn);</li> <li>- Khoản 4 Điều 5 Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</li> </ul>	Chi cục Thủy sản
31.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá chuyển nhượng quyền sở hữu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003;</li> <li>- Điều 11, Khoản 2 Điều 14 Nghị định số 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ về đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động</li> </ul>	Chi cục Thủy sản

STT	Tên TTHC	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
		<p>thủy sản;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Điểm b Điều 8 Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS ngày 03/7/2006 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn);</li> <li>- Điểm b Khoản 1 Điều 5 Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</li> </ul>	
32.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá thuộc diện thuê tàu trần, hoặc thuê-mua tàu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003.</li> <li>- Nghị định số 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ về đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động thủy sản;</li> <li>- Điểm b, Điều 8 Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS ngày 03/7/2006 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn);</li> <li>- Điểm b, Khoản 1, Điều 5 Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</li> </ul>	Chi cục Thủy sản
33.	Cấp sổ danh bạ thuyền viên tàu cá	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003;</li> <li>- Điều 12, khoản 2 Điều 14 Nghị định số 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ về đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động thủy sản.</li> <li>- Điều 15 Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS ngày 03/7/2006 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn);</li> <li>- Khoản 7 Điều 5 Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</li> </ul>	Chi cục Thủy sản
34.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký bè cá	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003.</li> <li>- Nghị định số 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ về đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động thủy sản;</li> <li>- Điều 15 Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS ngày 03/7/2006 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn);</li> <li>- Điều 5 Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ.</li> </ul>	Chi cục Thủy sản
35.	Cấp giấy chứng nhận Đăng ký tàu cá đối với tàu cá cải hoán	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003.</li> <li>- Điều 11, Khoản 2 Điều 14 Nghị định số 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ;</li> </ul>	Chi cục Thủy sản

STT	Tên TTHC	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Điểm b Khoản 1 Điều 8 Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS ngày 03/7/2006 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn);</li> <li>- Điểm b Khoản 1 Điều 5 Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</li> </ul>	
36.	Cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003.</li> <li>- Nghị định số 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ.;</li> <li>- Điều 14 Quyết định số 96/2007/QĐ-BNNPTNT ngày 28/11/2007 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;</li> <li>- Khoản 4 Điều 6 Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</li> </ul>	Chi cục Thủy sản
37.	Cấp giấy phép khai thác thủy sản	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều 5, 6, 7 Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005 của Chính phủ.</li> <li>- Điều 1 Nghị định số 14/2009/NĐ-CP ngày 13/02/2009 của Chính Phủ về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005 về điều kiện sản xuất kinh doanh một số ngành nghề thủy sản;</li> <li>- Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 53/2012/NĐ-CP ngày 20/6/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về lĩnh vực thủy sản.</li> <li>- Mục II Thông tư số 02 /2006/TT-BTS ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Thủy sản cũ (nay là Bộ NN&amp;PTNT) hướng dẫn thực hiện Nghị định của Chính phủ số 59/2005/NĐ-CP ngày 04 tháng 5 năm 2005 về điều kiện sản xuất, kinh doanh một số ngành nghề thủy sản (mục 2, 4 phần II) có hiệu lực từ ngày 18/5/2006.</li> <li>- Thông tư số 230/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng kiểm an toàn kỹ thuật tàu cá, kiểm định trang thiết bị nghề cá; phí thẩm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản; lệ phí cấp giấy phép khai thác, hoạt động thủy sản.</li> </ul>	Chi cục Thủy sản
38.	Cấp gia hạn giấy phép khai thác thủy sản	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều 5, 6, 7 Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005 của Chính phủ .</li> <li>- Mục II Thông tư số 02 /2006/TT-BTS ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Thủy sản cũ (nay là Bộ NN&amp;PTNT).</li> </ul>	Chi cục Thủy sản

STT	Tên TTHC	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mục III Thông tư số 62/2008/TT-BNNPTNT ngày 20/5/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</li> <li>- Nghị định số 14/2009/NĐ-CP ngày 13/02/2009 của Chính phủ về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005 về điều kiện sản xuất kinh doanh một số ngành nghề thủy sản (Điều 1).</li> <li>- Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 53/2012/NĐ-CP ngày 20/6/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về lĩnh vực thủy sản.</li> <li>- Thông tư số 230/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.</li> </ul>	
39.	Cấp lại giấy phép khai thác thủy sản	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khoản 3 Điều 6 Chương II Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 02 /2006/TT-BTS ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Thủy sản cũ (nay là Bộ NN&amp;PTNT).</li> <li>- Thông tư số 62/2008/TT-BNNPTNT ngày 20/5/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</li> <li>- Nghị định số 14/2009/NĐ-CP ngày 13/02/2009 của Chính phủ.</li> <li>- Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 53/2012/NĐ-CP ngày 20/6/2012 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 230/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.</li> </ul>	Chi cục Thủy sản
40.	Cấp đổi và cấp lại giấy phép khai thác thủy sản	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005 của Chính phủ.</li> <li>- Nghị định số 14/2009/NĐ-CP ngày 13/02/2009 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 53/2012/NĐ-CP ngày 20/6/2012 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 230/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.</li> </ul>	Chi cục Thủy sản
41.	Xác nhận đăng ký tàu cá	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều 11 Nghị định số 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ về đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động thủy sản.</li> <li>- Điểm 2 Mục II Thông tư 02/2007/TT-BTS hướng dẫn thực hiện Nghị định số 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ.</li> </ul>	Chi cục Thủy sản
42.	Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán tàu cá	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ.</li> <li>- Điểm 1 Mục II Thông tư 02/2007/TT-BTS</li> </ul>	Chi cục Thủy sản

STT	Tên TTHC	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
		hướng dẫn thực hiện Nghị định số 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ.	
43.	Cấp giấy chứng nhận lưu giữ thủy sinh vật ngoại lai	- Điều 8 Thông tư 53/2009/TT-BNNPTNT ngày 21/8/2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	Chi cục Thủy sản
<b>IV</b>	<b>LĨNH VỰC BẢO VỆ THỰC VẬT (05 thủ tục )</b>		
44.	Cấp giấy phép vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật.	- Điều 68 Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2013. - Điều 23, 35, 36 Nghị định số 14/2015/NĐ-CP ngày 13/02/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Đường sắt; - Điều 5, 18, 19 Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của Chính phủ quy định danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; - Điều 54, 55 Thông tư số 21/2015/ TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về Quản lý thuốc bảo vệ thực vật.	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật
45.	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật (thuộc thẩm quyền giải quyết cấp tỉnh)	- Điều 70 Luật số 41/2013/QH13 Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật thông qua ngày 25/11/2013. - Điều 10, 12 Nghị định số 181/2013/ NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Quảng cáo; - Điều 61, 62 Thông tư số 21/2015/ TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015 của của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư 231/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực Bảo vệ thực vật.	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật
46.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật.	- Điều 63, 65, 66 Luật số 41/2013/QH13 Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật thông qua ngày 25/11/2013. - Điều 35 Thông tư số 21/2015/ TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Điều 4 Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ; - Thông tư 231/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật
47.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	- Điều 63, 65, 66 Luật số 41/2013/QH13 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật thông qua ngày 25/11/2013. - Điều 36 Thông tư số 21/2015/ TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

STT	Tên TTHC	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
		triển nông thôn; - Điều 4 Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ; - Thông tư 231/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.	
48.	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với các lô vật thể vận chuyển từ vùng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật	- Điều 43 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2013. - Thông tư 33/2014/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định trình tự, thủ tục kiểm dịch thực vật nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh và sau nhập khẩu vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật; - Điều 7, 8 Thông tư 35/2015/TT-BNNPTNT ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật
<b>V</b>	<b>LĨNH VỰC CHĂN NUÔI (02 thủ tục)</b>		
49.	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (Certificate of Free Sale CFS) đối với Giống vật nuôi (bao gồm phôi, tinh, con giống vật nuôi); Môi trường pha chế, bảo quản tinh, phôi động vật; Vật tư, hóa chất chuyên dùng trong chăn nuôi	- Thông tư số 63/2010/TT-BNNPTNT ngày 01/11/2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn việc quy định Giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với sản phẩm hàng hóa xuất khẩu và nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Điều 9 Thông tư 19/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính lĩnh vực chăn nuôi theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15/12/2010.	Sở Nông nghiệp và PTNT
50.	Cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (Certificate of Free Sale-CFS) đối với Giống vật nuôi (bao gồm phôi, tinh, con giống vật nuôi); Môi trường pha chế, bảo quản tinh, phôi động vật; Vật tư, hóa chất chuyên dùng trong chăn nuôi.	- Điều 7 Thông tư số 63/2010/TT-BNNPTNT ngày 01/11/2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Điều 9 Thông tư số 19/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	Sở Nông nghiệp và PTNT
<b>VI</b>	<b>LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP (04 thủ tục)</b>		
51.	Thủ tục thẩm định, phê duyệt hồ sơ thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (Đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư)	- Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014. - Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về thi hành Luật bảo vệ và phát triển rừng; - Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi	- UBND tỉnh - Sở Nông nghiệp và PTNT

STT	Tên TTHC	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
		hành một số điều của Luật Đầu tư công; - Điều 4, Điều 6, Điều 7 Thông tư số 23/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung quản lý công trình lâm sinh.	
52.	Thủ tục điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh <i>(Đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư)</i>	- Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014. - Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ; - Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ; - Điều 4, Điều 6, Điều 7 Thông tư số 23/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	- UBND tỉnh - Sở Nông nghiệp và PTNT
53.	Thủ tục khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước ổn định lâu dài đối với hộ gia đình, cá nhân	Điều 7 Nghị định số 168/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ Quy định về khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước trong các Ban quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nông, lâm nghiệp Nhà nước	Ban quản lý rừng đặc dụng; Ban quản lý rừng phòng hộ
54.	Thủ tục Khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước ổn định lâu dài đối với cộng đồng dân cư thôn	Điều 7 Nghị định số 168/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ.	Ban quản lý rừng đặc dụng; Ban quản lý rừng phòng hộ

### B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN (04 thủ tục)

LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP			
1.	Thủ tục thẩm định phê duyệt hồ sơ thiết kế, dự toán công trình lâm sinh <i>(Đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư)</i>	- Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014. - Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về thi hành Luật bảo vệ và phát triển rừng; - Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; - Điều 4, Điều 6, Điều 7 Thông tư số 23/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	- Ủy ban nhân dân cấp huyện - Ủy ban nhân dân cấp xã - Phòng Nông nghiệp và PTNT
2.	Thủ tục điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh <i>(Đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã)</i>	- Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014. - Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ; - Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ; - Điều 4, Điều 6, Điều 7 Thông tư số 23/2016/TT-	- Ủy ban nhân dân cấp huyện - Ủy ban nhân dân cấp xã - Phòng Nông nghiệp và PTNT

	<i>quyết định đầu tư)</i>	BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	
3.	Thủ tục khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước ổn định lâu dài đối với hộ gia đình, cá nhân	Điều 7 Nghị định số 168/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ	Ban quản lý rừng đặc dụng; Ban quản lý rừng phòng hộ
4.	Thủ tục khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước ổn định lâu dài đối với cộng đồng dân cư thôn	Điều 7 Nghị định số 168/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ	Ban quản lý rừng đặc dụng; Ban quản lý rừng phòng hộ

### C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (01 thủ tục)

STT	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
<b>LĨNH VỰC BẢO VỆ THỰC VẬT</b>			
1	Xác nhận hoạt động dịch vụ bảo vệ thực vật	- Điều 23 Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2013. - Điều 4, 5 Thông tư số 48/2015/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 12 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn chi tiết điều kiện hoạt động dịch vụ bảo vệ thực vật	Ủy ban nhân dân cấp xã

### D. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH DO ĐƠN VỊ KHÁC THỰC HIỆN (02 thủ tục)

<b>LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP</b>			
1.	Thủ tục khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước ổn định lâu dài đối với hộ gia đình, cá nhân	Điều 7, Nghị định số 168/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ Quy định về khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước trong các Ban quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nông, lâm nghiệp Nhà nước.	Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nông, lâm nghiệp Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ
2.	Thủ tục khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước ổn định lâu dài đối với cộng đồng dân cư thôn	Điều 7, Nghị định số 168/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ Quy định về khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước trong các Ban quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nông, lâm nghiệp Nhà nước	Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nông, lâm nghiệp Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ